

Số: 904/2026/QĐST-HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 613/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thảo V**, sinh năm: 2002.

Căn cước số: 086302xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 15/01/2025.

Địa chỉ: Hộ H, Tổ C, Ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Phan Vĩnh P**, sinh năm: 1995.

Căn cước công dân: 093095xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp 12/9/2022.

Địa chỉ: Số A, Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 15, ngày đăng ký: 19/02/2024 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P xác nhận có 01 (Một) con chung là **Phan Phát P1**, sinh ngày: 02/11/2024, giới tính: Nam.

Bà Nguyễn Thị Thảo V được quyền nuôi dưỡng trẻ Phan Phát P1.

Ông Phan Vĩnh P cấp dưỡng nuôi trẻ Phan Phát P1 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào

tháng 06/2026.

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2026.

Trường hợp ông Phan Vĩnh P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Hai bên tự thỏa thuận giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc có đơn yêu cầu tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Phan Vĩnh P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác*: Bà Nguyễn Thị Thảo V và ông Phan Vĩnh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về lệ phí*: Bà Nguyễn Thị Thảo V tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0019666 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thảo V còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND Khu vực 10, TP.HCM (2);
- THADS TP.HCM (1);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

THẨM PHÁN

Ôn Kim Chi

